

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 -12 -2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Thao và bà Nguyễn Thị Phương Thuận.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Hoàng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa:** bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 189/2022/TLST-HNGĐ ngày 04-10-2022 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST - HNGĐ, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972

**Bị đơn:** anh Đỗ Mạnh Q (tên gọi khác Đỗ Văn Q), sinh năm 1970

Đều cư trú: thôn X, xã A, huyện C, tỉnh H.

**Người làm chứng:** bà Lê Thị T, sinh năm 1946; cư trú: thôn X, xã A, huyện C, tỉnh H.

*Tại phiên tòa có mặt chị H; vắng mặt anh Q, bà T (anh Q xin vắng mặt tại phiên tòa).*

**NHẬN THẤY**

*Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* chị và anh Đỗ Mạnh Q tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện C vào ngày 13-01-1992. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ về sự không chung thủy. Năm 2021, vợ chồng đã có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng sau khi được Tòa khuyên giải thì vợ chồng rút đơn về đoàn tụ. Thực tế vợ chồng không tình cảm với nhau nên khó hòa hợp trong cuộc sống và đã sống ly thân không

còn quan tâm đến nhau. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có 02 con chung là Đỗ Mạnh K, sinh năm 1993 và Đỗ Mạnh V, sinh năm 1999; các con chung đều trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

*Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp:* Chứng nhận kết hôn bản gốc; bản sao 04 Căn cước công dân mang tên (Nguyễn Thị H và Đỗ Mạnh Q; Đỗ Mạnh K; Đỗ Mạnh V); bản sao 02 Giấy khai sinh mang tên Đỗ Mạnh K; Đỗ Mạnh V; Đơn đề nghị xác nhận ngày 22-11-2021; Quyết định đình chỉ vụ án dân sự số 03/2022 ngày 11-01-2022; Quyết định đình chỉ vụ án dân sự số 27/2022 ngày 14-4-2022;

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-11-2022,* anh Đỗ Mạnh Q xác nhận: anh và chị H đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau; chị H muốn ly hôn, anh đồng ý; anh cũng không yêu cầu giải quyết về con chung vì các con đã thành niên; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; anh không có yêu cầu phản tố và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2022* bà Lê Thị T (mẹ đẻ anh Q) xác nhận: năm 2002 chị H đi nước ngoài có thư gửi về đòi ly hôn anh Q, gia đình bà đã khuyên giải nhưng tình trạng hôn nhân không tốt lên mà tình cảm vợ chồng anh Q và chị H xa dần. Năm 2004 chị H về nước, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được và hiện đang sống ly thân.

*Tại Biên bản xác minh, Chính quyền địa phương UBND xã A cung cấp:* chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Mạnh Q có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 13-01-1992. Quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Hiện nay anh Q chị H không còn quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án hòa giải, nếu không được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa,** bị đơn vắng mặt và có ý xin xét xử vắng mặt. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; 55 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016

UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Quan hệ hôn nhân: xử công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Mạnh Q thuận tình ly hôn;

- Án phí: chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

*Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết ly hôn anh Đỗ Mạnh Q có đăng ký hộ khẩu và nơi cư trú tại xã A, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

*Người tham gia tố tụng:* anh Q là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ và có ý kiến xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

*Quan hệ hôn nhân:* chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Mạnh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Cẩm Giàng, là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh Q, chị H đều xác định tình cảm không còn và thống nhất ly hôn. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại; việc chị H xin ly hôn và anh Q nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

*Quan hệ con chung:* chị H và anh Q có 02 con chung là Đỗ Mạnh K, sinh năm 1993 và Đỗ Mạnh T, sinh năm 1999; các con chung đã trưởng thành, anh chị không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

*Về tài sản và nợ chung:* chị H và anh Q đều thống nhất không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết;

[3] **Về án phí:** chị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H;

**Về quan hệ tình cảm:** xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đỗ Mạnh Q (tên gọi khác Đỗ Văn Q).

**Về án phí:** chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0002331 ngày 04-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

**Về quyền kháng cáo:** chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Giàng
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng
- Dương sự;
- UBND xã A để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Tm. Hội Đồng xét xử sơ thẩm**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đoàn Thị Thúy**